

Các tín ngưỡng dân gian phổ biến của người Thái Đông Bắc Thái Lan

LÊ PHƯƠNG THẢO*

Vùng Đông Bắc Thái Lan là một cao nguyên rộng lớn, còn được gọi là cao nguyên Kò Rạt. Dân cư trong vùng sống phân bố ở 17 tỉnh, phần lớn là người Lào, hay còn gọi là người Thái Đông Bắc. Đó là một bộ phận của người Thái cổ, khác người Thái hiện đại ở một số tập tục, ngôn ngữ và tập quán. Ngoài ra còn có nhóm người Thái được gọi là Thái Kò Rạt. Cùng với Thái Đông Bắc họ chiếm tuyệt đại đa số dân cư trong vùng, phân bố rộng rãi khắp cao nguyên, chỉ để chừa lại những dải đất hẻo lánh cho các dân tộc thiểu số sinh sống.

Do điều kiện tự nhiên, địa hình không thuận lợi mà trong nhiều thập kỷ qua, Đông Bắc bị coi là nơi nghèo nhất và lạc hậu nhất của Thái Lan. Thông thường thì dường như những nơi nghèo và lạc hậu với nhiều cái mà chúng ta gọi là hủ tục lại là những nơi lưu giữ được nhiều giá trị văn hoá và phong tục tập quán truyền thống. Tuy nhiên, với những nỗ lực của người dân địa phương và chính phủ Thái, cuộc sống ở đây đang thay da đổi thịt từng ngày. Đối với người dân, các yếu tố của

một cuộc sống hiện đại và các giá trị truyền thống luôn luôn tồn tại song song và không hề mâu thuẫn với nhau. Các phong tục tập quán của các tín ngưỡng dân gian vẫn được duy trì trong đời sống hàng ngày của cư dân vùng Đông Bắc.

1. Tín ngưỡng về *phii* (linh hồn, thần linh, ma quỷ)

Hiếm có người Thái hoặc người Lào nào lại không sợ *phii*. *Phii* là một phần của cuộc sống. ở vùng Đông Bắc, người ta tin rằng *phii* có mặt ở khắp mọi nơi. *Phii* thuộc về “thế giới vô hình” nhưng luôn có chỗ trong cộng đồng. *Phii* thuộc về cả quá khứ và hiện tại, cùng tồn tại với cộng đồng.

Pu-ta (linh hồn của tổ tiên) cư ngụ ở miếu thờ ở rìa làng là *phii* phổ biến nhất và được thừa nhận ở hầu hết các làng. Một *phii* khác cũng phổ biến là *mahesak lak ban* (*mahesak* có nghĩa là “sức mạnh tối cao” và *lak ban* là “trụ cột của làng” hay “người sáng lập làng”). Trong thực tế có sự khác biệt giữa *mahesak* và *pu-ta*. Một làng có *mahesak lak ban* sẽ không có *pu-ta* và cả hai đều là *phii* của cộng đồng

* Lê Phương Thảo, Bảo tàng Dân tộc học Việt Nam

làng. Tuy nhiên, nhận thức của người dân về cả hai lại khác nhau. *Mahesak* được biết đến vì sự nghiêm khắc và dân làng tin rằng đó là linh hồn của những người dũng cảm và tàn bạo; còn *pu-ta* là linh hồn của những người già tốt bụng, quan tâm đến “con cháu” của mình.

Trong làng thường có một người đóng vai trò trung gian giữa cộng đồng và *pu-ta* hay *mahesak*. Người này được gọi là *cham*, đại diện cho *pu-ta* hoặc *mahesak*. Hai lần trong một năm, dân làng sẽ cùng nhau bày tỏ lòng kính trọng của mình với *phii*, lần một vào tháng 3 và lần thứ 2 vào tháng 6 âm lịch. Trong các nghi thức này, *nang lam* (người phụ nữ nhảy múa khi làm lễ) nhảy múa để thể hiện hành động của *pu-ta* hoặc *mahesak lak ban*, còn *cham* là tiếng nói của linh hồn khi bắt đầu trạng thái lên đồng.

Người dân luôn hỏi ý kiến *phii* trước tất cả các sự kiện quan trọng của làng để có được sự đồng ý và che chở. Những sự kiện quan trọng đó gồm có cưới xin, sinh nở, tang ma, khởi hành và trở về sau một chuyến đi dài, phục hồi sức khỏe và những vấn đề chung của cộng đồng. Đó là điểm thiết yếu và cần thiết của cuộc sống cộng đồng.

Dân làng tin rằng các qui tắc xã hội, các giá trị đã được tổ tiên của họ (những người bây giờ đã trở thành *phii*) truyền lại. Nếu họ không làm theo các lời giáo huấn, qui tắc và luật lệ thì đó sẽ là những hành động chống lại *phii*, gọi là *phid phii* (*phid* có nghĩa là xúc phạm). Một trong những biểu hiện *phid phii* là quan hệ nam

nữ trước khi kết hôn. Ai vi phạm sẽ bị phạt. Người ta thường nói rằng: “Con người có thể không nhìn thấy những hành vi tội lỗi nhưng *phii* thì có thể”. Đây là lời nhắc nhở dân làng phải trân trọng và làm theo phong tục, luật lệ và truyền thống.

Ở các làng thuộc Đông Bắc, người ta chia *phii* thành hai loại: *phii* tốt và *phii* xấu. *Phii* tốt là *phii fa* (các linh hồn ở thiên đường), *phii* của cộng đồng (*pu-ta*, *mahesak*) và *phii* của tự nhiên như *phii* của rừng (*phii pa*), của đồng ruộng (*phii na*), của nước (*phii nam*) ... *Phii* xấu tồn tại trong tự nhiên, có hại và ảnh hưởng xấu đến mọi người. Nếu trong làng xảy ra chuyện không may người ta sẽ tổ chức một nghi lễ, thường là do nhà sư chủ trì, để đuổi *phii* xấu ra khỏi làng. Khi có người ốm, người ta tin rằng khi đó *phii* xấu đang tìm kiếm thức ăn trong cơ thể người bệnh. Họ phải dâng cúng thức ăn để chúng không làm hại con người nữa. Trong quá khứ, *phii* xấu được xác định bằng các tên như *phii krasue*, *phii phong*, *phii phrai*, *phii pret* và *phii ha* nhưng ngày nay người ta rất ít dùng những tên gọi này. Tên được gọi chung cho các *phii* xấu là *phii rai* (*phii* độc ác, nguy hiểm). Tuy nhiên các dịch bệnh của súc vật trong làng được coi là do *phii fa* gây ra.

Phii pob được tất cả mọi người biết đến. *Phii pob* không giống các *phii* khác bởi nó được “sinh ra” từ con người. Người ta tin rằng những người có *vija* (những hành động “thần bí” và “phi thường” để tự vệ và chữa bệnh) và không thực hiện các lời giáo huấn có thể trở thành *phii pob*. *Phii pob*

này sẽ xâm nhập vào một người nào đó, dày vò và làm cho người đó bị ốm. Những người bị nghi là có chứa và là *phii pob* thường bị buộc phải rời khỏi làng. Trong trường hợp cộng đồng muốn giúp những người bị coi là *phii pob*, họ sẽ đưa những người này đến một người có uy tín, thường là một nhà sư để chữa trị. Sau đó những người này có thể được phép trở về làng, nhưng đa số họ khó có thể hoà nhập lại với cuộc sống bình thường như trước kia và họ sẽ đi khỏi làng.

Để hiểu được tín ngưỡng của người Đông Bắc về *phii*, cần phải hiểu rằng nhận thức và suy nghĩ của dân làng rất khác so với những người thành thị hiện đại và có hiểu biết. Dân làng tin rằng *phii* thực sự tồn tại, thậm chí dù họ không nhìn thấy được. Theo họ, “*phii* tồn tại vì *phii* có ý nghĩa” chứ không phải “*phii* chỉ tồn tại nếu được lí giải một cách có khoa học”. *Phii* cũng như con người, là phần cần thiết và không thể thiếu của thế giới. Con người phải xác định mối quan hệ của họ với *phii* một cách thích hợp, vì giống như con người có người tốt và người xấu, *phii* cũng vậy. *Phii* đòi hỏi sự quan tâm, cầu khẩn và lễ vật. Con người phải làm điều thiện trong suốt cuộc đời để được tái sinh làm *phii* tốt, hoặc lại được làm người.

2. Tín ngưỡng về *kwan* (khoản – hồn, vía)

Từ *kwan* chỉ một trong những yếu tố quan trọng nhất của văn hoá Thái và Lào. Mỗi nền văn hoá có tên gọi riêng cho *kwan*, vì vậy rất khó để dịch *kwan* sang bất cứ ngôn ngữ nào. Nhưng chúng ta có

thể hiểu nôm na rằng *kwan* là một vật thể phi vật chất, tồn tại trong con người và tất cả mọi thứ, tạm gọi là hồn, vía. Khi *kwan* ở trong con người thì họ sẽ khoẻ mạnh, sung sướng, khi nó rời khỏi thân xác thì con người sẽ ốm đau hoặc trở nên không bình thường. Đây là một tín ngưỡng bất rã trong quá khứ xa xưa và còn tồn tại trong ngôn ngữ, lễ nghi và việc cúng bái liên quan đến *kwan*. Xét trong bản chất của nguyên lý sự sống, có thể xem *kwan* là một vật thể quan trọng đối với đời sống của con người và súc vật. Người ta quan niệm một người có 32 *kwan*. ở miền Bắc và Đông Bắc ngày nay, truyền thống này vẫn được lưu giữ giống như trong quá khứ.

Lễ nghi liên quan đến *kwan* được gọi là *sukwan* (cắm vía). Nghi lễ này được thực hiện trong mọi sự kiện quan trọng của cuộc đời trừ ma chay. Cưới hỏi, mang thai, khánh thành nhà mới, khởi hành và trở về sau một chuyến đi, bắt đầu Mùa chay (đối với các nhà sư), hồi phục sức khoẻ sau khi ốm, đón và tiễn họ hàng, bạn bè và khách đến thăm gia đình, làng xóm người ta đều tổ chức nghi lễ *sukwan*.

Dân làng tin rằng *kwan* ở cùng con người thì họ sẽ khoẻ mạnh, hạnh phúc. Khi *kwan* rời bỏ ai thì người đó sẽ đau ốm, buồn phiền, lo lắng. *Kwan hai* (*kwan* biến mất), *kwan nee* (*kwan* chạy trốn) là những thuật ngữ thông dụng để mô tả trạng thái lo lắng, hoảng sợ của con người.

Nghi lễ *sukwan* được thực hiện với cách thức tương tự nhau trong nhiều trường hợp. *Phram* (người thực hiện các nghi lễ theo truyền thống của đạo Hindu) thực

hiện nghi lễ với lễ vật được gọi là *phaa-kwan*. Nó có hình nón, làm bằng lá chuối, đặt trên một cái khay, trên đó đặt một quả trứng gà luộc, chuối, hoa và một nắm cơm nếp. *Phram* ngồi trước *phaa-kwan*, người chịu lễ ngồi ở phía đối diện, những người khác ngồi xung quanh họ. Một cây nến được thắp lên, *phram* khẩn mời các thần linh đến tham dự. Sau đó tất cả mọi người cùng tham gia vào một bài kinh dài. Người ta buộc một sợi dây cotton vào *phaa-kwan*, rồi buộc vào tay người sẽ nhận được *kwan*. Sau đó cha mẹ của người chịu lễ và những người lớn tuổi có mặt trong nghi lễ sẽ buộc chỉ cổ tay cho người đó. Khi buộc, người buộc thì thầm lời cầu chúc: “Ô *kwan*, hãy đến và ở lại trong thân người”. Sau khi buộc chỉ cổ tay, người ta bóc vỏ quả trứng gà của người chịu lễ. Nếu lòng trắng có màu trắng đều thì đó là dấu hiệu tốt lành, may mắn của người chịu lễ. Nếu quả trứng bị hỏng, đó là dấu hiệu không tốt. Lúc này những người già cả sẽ có lời dặn dò người chịu lễ.

Sukwan được thực hiện không phải chỉ vì người ta sợ *kwan* của một người sẽ biến mất mà còn để làm cho người đó mạnh mẽ lên và *kwan* sẽ ở lại với họ. Tuy nhiên, *kwan* cũng có một tầm quan trọng khác, đó là tầm quan trọng xã hội. *Sukwan* không chỉ nhấn mạnh sự thống nhất của *kwan* và con người mà còn là sự hòa hợp của cá nhân với những người khác, với cộng đồng và với tự nhiên. Trong một đám cưới, *sukwan* không chỉ có ý nghĩa chúc đôi vợ chồng mới cưới sức mạnh để sẵn sàng đương đầu với những khó khăn mới

trong cuộc sống mà còn nhấn mạnh rằng *kwan* của họ sẽ được thống nhất làm một, luôn ở cạnh nhau, gắn kết với cộng đồng và tất cả những người có mặt trong nghi lễ. Lễ *sukwan* cho một người sắp thực hiện hay trở về từ một chuyến đi dài cũng có ý nghĩa là *kwan* của người đó và của cộng đồng sẽ vẫn thống nhất cho dù giữa họ có một khoảng cách dài. *Sukwan* đối với người ốm là một hành động của tinh thần hòa hợp để ngầm nói với người ốm rằng: “Chúng tôi luôn ở bên bạn và tinh thần của chúng ta cũng vậy, luôn ở bên nhau”. *Kwan* vì vậy là một biểu tượng của sự thống nhất và tinh thần đồng thuận trong một cộng đồng.

3. Tín ngưỡng về chữa bệnh theo phương pháp truyền thống

Mọi căn bệnh đều có nguyên nhân gây bệnh. Nếu nguyên nhân gây ra ốm đau không bình thường thì dân làng sẽ qui cho lực lượng siêu nhiên. Họ có thể để phân biệt được thế nào là những cơn đau đầu, đau bụng, cảm cúm bình thường mà không cần đến sự giúp đỡ của thầy cúng hay thầy mo. Tuy nhiên, nếu ai đó bị ốm kéo dài, người ta thường cho rằng đó là do *phii* gây ra. Trong những trường hợp này, người bệnh phải được *maw song* (thầy cúng) chuẩn đoán bệnh.

Trong quá khứ, hầu hết các làng đều có những người chuyên chữa bệnh, mỗi người chuyên về một lĩnh vực. Một số người giỏi về đông y, những người khác lại dùng dầu chế từ xương động vật hoặc thực vật, số khác là thầy mo. Việc chữa trị của

họ thường đi kèm với các nghi lễ.

Khru là khái niệm cơ bản của văn hoá làng truyền thống. *Khru* không chỉ là người truyền lại những kiến thức cho các môn đệ của mình mà còn là người tiếp thu lại toàn bộ các tri thức, kĩ năng qua các thế hệ. *Khru* biểu tượng cho ranh giới giữa đời sống vật chất và đời sống tinh thần trong truyền thống. Vì vậy yêu cầu thiết yếu đối với những người chữa bệnh khi bắt đầu nghi lễ là nhớ về *khru* của họ, còn người bệnh thì dâng hương, hoa, nến và một khoản tiền nhỏ như một biểu hiện của sự nhận thức về *khru*. Khoản tiền nhỏ chỉ khoảng vài *baht*, thường được *khru* quyết định. Học trò phải theo đúng đơn thuốc của thầy và không được yêu cầu người bệnh trả nhiều hơn số tiền *khru* đã quyết định. Khi khỏi bệnh, người bệnh có thể tặng cho người chữa một món quà hoặc một khoản tiền nhỏ. Việc này được làm một cách tự nguyện để tỏ lòng biết ơn đối với người đã chữa khỏi bệnh cho mình.

Có rất nhiều phương pháp chuẩn đoán bệnh truyền thống. *Maw song* sẽ rơi vào trạng thái lên đồng để tìm nguyên nhân gây bệnh. Những người khác lại sử dụng những câu niệm chú thiêng. Có người lại dùng một que gỗ nhỏ, tìm nguyên nhân gây bệnh ở trong dầu, sau đó bẻ cái que và đếm các mẫu gỗ. Quá trình này chứng tỏ nguyên nhân gây bệnh mà *maw* có trong suy nghĩ là đúng. Phần lớn các nguyên nhân đều được cho là do *phii* gây ra. Người chữa bệnh không phải là *maw song* chuẩn đoán bệnh bằng các câu hỏi. Các câu hỏi này hướng vào những hành động

mà người đó đã làm có thể đã xúc phạm đến *phii* như: “Anh có đi vào rừng không? Anh làm gì ở đó? Anh chặt cây như thế nào? Cây gì? Anh đã xin phép *phii* chưa? Anh có làm gì trong khu vực của *pu-ta* không?”. Nếu cần, các câu hỏi cũng có thể về các hoạt động cá nhân như: “Anh có mối quan hệ nào với bạn gái hay người khác giới không? Mối quan hệ đó đã đi quá giới hạn chưa?”. Nếu người ốm mới trở về nhà sau một chuyến đi, *maw* hỏi: “Anh đã thông báo với *pu-ta* rằng anh đã trở về chưa? Anh có xin phép *pu-ta* trước khi đi không?”

Maw có kinh nghiệm có thể biết được nguyên nhân gây bệnh ngay lập tức, đặc biệt trong những trường hợp được cho là do *phii* gây ra. Mất của người bệnh và vẻ ngoài của cơ thể có thể chỉ ra nguyên nhân gây bệnh. Chẳng hạn như nếu một người bệnh bị tác động bởi *phii pob* thì không bao giờ được nhìn vào mắt *maw*, không được nói chuyện gẫu, bị sở hữu và hiểu chiến.

Ở nhiều nơi ở Đông Bắc, các *maw* được biết đến hoặc tự tuyên bố mình là chủ của một *phii* quan trọng. Họ thường được mời chữa nhiều bệnh đã kéo dài và các bác sĩ y khoa hay những người chữa bệnh truyền thống không chữa được. Những người này cho rằng có một *phii* quan trọng muốn ở lại cùng với người ốm, khi họ chấp nhận *phii* sẽ hồi phục sức khoẻ. Họ sau đó sẽ trở thành người chữa bệnh vì có khả năng nhận biết được *phii* muốn ở trong hay ở cùng người bệnh, hoặc yêu cầu một thứ đồ cúng hay một lễ vật đặc biệt để

được *phii* thông cảm. Nếu người bệnh làm theo đơn thuốc, chấp nhận *phii*, cúng đồ ăn, họ sẽ khỏi và trở thành một “người con” của *maw*. Mỗi năm một lần, những “người con” tập trung ở nhà của “cha” trong ba ngày để bày tỏ lòng tôn kính với *phii*. Họ cúng đồ ăn, hoa quả, rượu và đồ uống nhẹ cho *phii*, nghi lễ thường gồm cả việc lên đồng và nhảy múa.

Maw phổ biến ở vùng Đông Bắc là *maw tham*. Thuật ngữ này xuất phát từ thực tế *maw* này được mọi người biết đến là các nhà sư thông thạo kinh kệ và cách thức tổ chức các nghi thức. Đối với mọi người, dù họ tin vào *phii* và có một hệ thống tín ngưỡng pha trộn về *phii*, đạo Bàlamôn và đạo Phật, thì Phật giáo vẫn được coi là sự thật tuyệt đối và hệ quả của cuộc sống. Phật được tôn thờ và đặt cao hơn bất cứ *phii* nào. Phật, Pháp, Tăng là tam bảo của nhà Phật, được xem là có quyền lực nhất. Vì vậy *maw tham* là đại diện cho sức mạnh của Phật giáo, mạnh hơn tất cả các sức mạnh siêu nhiên do *phii* đại diện.

Hầu hết các làng thuộc Đông Bắc vẫn còn *maw tham*, nhưng ngày nay chỉ có một số ít người dưới 30 tuổi, phần lớn đều trên 50 tuổi. *Maw tham* cũng giống như các *maw* khác phải tuân theo những qui định chung. Họ không ngồi ở bậc thang, đi qua nhà của các *maw* khác; không đi dưới dây phơi quần áo, đi dưới cây chuối; không ăn thịt rắn, chó, voi, ngựa hoặc mèo. Trong khi tiến hành các nghi lễ chữa bệnh, không ai trong nhà được uống rượu, được vo gạo trước khi nấu, được sắp xếp đồ đạc hay từ trong nhà gọi ai đó ở bên ngoài.

Maw tham là người lương thiện, có đạo đức, sẵn sàng hi sinh cuộc sống và bản thân cho cộng đồng. Họ làm việc này không phải vì tiền mà vì họ cảm thấy đó là nhiệm vụ và trách nhiệm của mình. Vì vậy họ được dân làng kính trọng. Khi già đi, họ trở thành *thao kae* (những người lớn tuổi chủ trì các nghi thức, nghi lễ) và *chao kote* (những người cao tuổi trong làng). Họ là chỗ dựa và sự ủng hộ vững chắc của cộng đồng.

Một nghi lễ chữa bệnh với *maw tham* thường được bắt đầu với lễ dâng năm thứ lễ vật (ngũ cúng) là hương hoa, nến, một bát nước, một mảnh vải và một ít tiền, được gọi là *khan paed ha* (*khan* là bát, *ha* là năm). Một lễ khác được gọi là *khan paed*, có nghĩa là tám cặp hoa, hương và nến. Sau đó, *maw tham* bắt đầu cầu kinh *khatha*, thể hiện sự tôn kính với Phật, Pháp, Tăng và cam kết chữa cho bệnh nhân. Các thần sẽ được mời đến để giúp đỡ.

Maw tham là người chữa bệnh do *phii* gây ra. Họ có các cách chữa khác nhau. Một số sử dụng công thức thần bí; số khác lại dùng cách thổi vào người ốm; có người dùng nước ngậm vào mồm rồi phun vào người ốm, hay người ta dùng một chiếc lá hoặc một cành cây nhỏ để vẩy nước vào người ốm. Có người lại dùng thảo dược hoặc dầu chế từ thực vật hoặc xương động vật để chữa bệnh.

Maw nam mon (người chữa bệnh bằng nước thiêng) là những người chữa bệnh quan trọng khác. *Nam mon* là nước đã được cúng, được các vị thần ban cho sức mạnh, vì vậy nó trở nên linh thiêng. Nước

là cuộc sống đối với dân làng, đem lại sự mát mẻ, tinh khiết, hạnh phúc và sự sống cho mọi sinh vật. Nước thiêng làm cho con người trở nên trong sạch, khoẻ mạnh. Để có nước thiêng, cần một bát nước sạch, thường là nước mưa, hương, hoa, nến và một ít tiền. *Maw nam mon* cầu kinh, thắp nến và để cho sáp nến chảy vào nước. Nước này không chỉ dùng để chữa các bệnh do *phii* gây ra mà còn chữa nhiều bệnh khác.

Một *maw* khác được biết đến là *maw lam phii fa*. *Lam* là đọc thơ theo cách truyền thống của vùng, *phii fa* là các thần linh ở trên trời. Thông thường *maw* này là phụ nữ, đi cùng với một người chơi *kaen* (khèn) (một loại nhạc cụ địa phương làm bằng các ống tre, âm thanh nghe gần giống như đàn organ). Ngoài ra *maw* còn cần 3-12 người để nhảy múa. *Maw* này được mời chữa bệnh cho người ốm khi nguyên nhân gây bệnh chưa được xác định rõ. Khi chữa, bà ta mời các vị thần, *phii* của tổ tiên và tất cả các *phii* có sức mạnh đến để giúp người ốm hồi phục. *Maw* bảo người bệnh ngồi dậy nhảy múa cùng, đồng thời *maw* hét to để đuổi *phii* xấu.

Maw ya samunphrai (*ya* là thuốc, *samunphrai* là cây cỏ) là những người chữa bệnh bằng thảo dược. Người bệnh được giữ một ít thuốc và dùng theo đơn của *maw*. Điều này không làm giảm đi tầm quan trọng của các khía cạnh văn hoá trong cách chữa của họ. Toàn bộ quá trình từ đi tìm cây thuốc, chế biến, phát thuốc đều được thực hiện cùng với *khatha* học được từ người thầy. Các *khatha* này liên

kết môn đệ với thầy dạy, vì vậy nó là thứ kết nối quá khứ với hiện tại.

Tất cả những bài học truyền thống, những tín ngưỡng dân gian ở các làng của Đông Bắc đều có một quá trình lịch sử khá lâu dài. Đó là những cách đối phó với khó khăn, sợ hãi trong cuộc sống, khi mà nhận thức của con người còn hết sức sơ khai. Ngày nay, cùng với sự phát triển của xã hội, hiểu biết của người dân được nâng cao, những giá trị này đã được đơn giản hoá phần nào để phù hợp hơn với cuộc sống. /

TÀI LIỆU THAM KHẢO

Tiếng Việt

1. Đâu Tuấn Nam (2003), *Tín ngưỡng phi của người Thái ở Quý Châu, Nghệ An*. Luận văn thạc sỹ chuyên ngành Dân tộc học, Trường ĐHKHXH&NV, Hà Nội.
2. Phya Anuman Rajadhon (1988), *Văn hoá dân gian Thái Lan*, Bản dịch của Viện Đông Nam Á và Nxb Văn hoá, Hà Nội.
3. *Tim hiểu lịch sử - văn hoá Thái Lan* (1994), Trung tâm KHXH&NV Quốc gia, Viện Nghiên cứu Đông Nam Á, Nxb KHXH, Hà Nội.

Tiếng Anh

1. Seri Phongphit&Kevin Hewison, *Thai Village Life: Culture and Transition in the Northeast*. Mooban Press, Bangkok, 1990.
2. Stephen Sparkes, *Spirits and Souls*, Bangkok, 2005.
3. William J.Klausner, *Reflections on Thai Culture*. Bangkok, 2000.